

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Kính gửi/To: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)
Company name: PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Address: Unit 4, 21st Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City

Điện thoại/Tel: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin/The authorized person to disclose information: Ông/Mr. Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin/Type of disclosed information:

24h Bất thường/Irregular Định kỳ/Regular Theo yêu cầu/On demand

Nội dung của thông tin công bố/Disclosed information:

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng trân trọng công bố thông tin như sau:
Phu Hung Fund Management JSC. respectfully discloses information as follows:

- Báo cáo thường niên năm 2023.
Annual report 2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn>
This information is disclosed on PHFM's portal at: <http://phfm.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We undertake that all information provided herein is true and shall be legally responsible for the disclosed information.

Hồ sơ đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo.
Report.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu ĐT/Archived at Investment Dept..

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.



Ông/Mr. LU, HUI-HUNG
Tổng Giám đốc
General Director



Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06./2024/BC-KSNB-PHFM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Vụ quản lý các công ty quản lý quỹ và
Quỹ đầu tư chứng khoán.

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/11/2021.
- Vốn điều lệ: 39.000.000.000VND (Ba mươi chín tỷ đồng)
- Địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-28) 5413 7991
- Website: www.phfm.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM) là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng (VCMC). VCMC được thành lập vào cuối năm 2007 tại Hà Nội với vốn điều lệ 28.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2013**, để phù hợp cho định hướng và mục tiêu hoạt động, Công ty chính thức chuyển địa chỉ trụ sở chính từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM), tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
 - o Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 39.000.000.000 đồng và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - o **Năm 2016**, Công ty thành lập quỹ thành viên đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Triển Vọng Việt Nam.

- Năm 2017, Công ty tiếp tục thành lập quỹ thành viên thứ hai mang tên Quỹ Đầu tư Phát triển Hằng Thông.
- Năm 2021, Công ty chuyển trụ sở chính về Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2022, Công ty được cấp giấy phép lập Quỹ đại chúng đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam.

1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2022 và năm 2023:

- ✓ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- ✓ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh

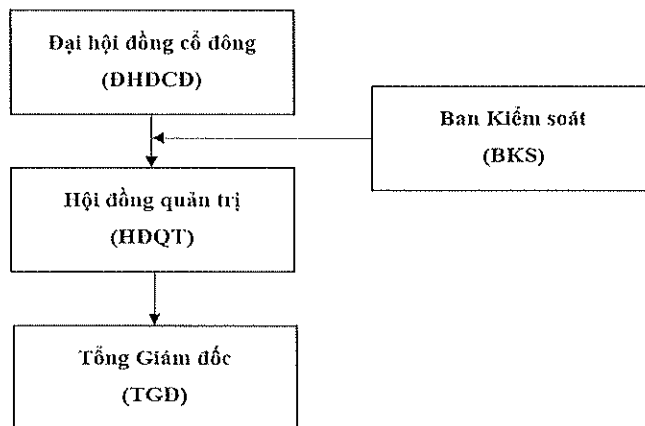
Địa bàn kinh doanh chính của Công ty trong năm 2022 và năm 2023 là Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD).

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính;
- Hàng năm, thông qua báo cáo của HĐQT, BKS và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban TGD;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Tổng Giám đốc

TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. TGD có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Công ty con, công ty liên kết: không có.

1.4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong năm 2023, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Phát triển và quản lý có hiệu quả đáp ứng được các mục tiêu đầu tư đa dạng của nhà đầu tư với các khẩu vị rủi ro khác nhau. Trở thành cầu nối cho Nhà đầu tư nước ngoài đến với thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông và nhà đầu tư, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hướng tới quản lý hiệu quả nguồn vốn của nhà đầu tư, tăng trưởng tổng tài sản quản lý một cách bền vững. Luôn hướng tới cải thiện hiệu quả sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

Tối ưu hóa hiệu quả vận hành và quản lý thông qua ứng dụng công nghệ, nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua nền tảng giao dịch và ứng dụng di động hiện đại, thuận tiện.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty không gây ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến môi trường, Công ty đưa tinh thần và hành động sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và tài nguyên trở thành một phần trong văn hóa Công ty, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động đến môi trường. Các biện pháp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ luôn được thực thi một cách nghiêm túc như một cam kết bền vững của Công ty trong việc bảo vệ môi trường xanh.

1.5. Các rủi ro

- Rủi ro nền kinh tế

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế cả nước. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực sẽ là yếu tố tạo đà cho sự phát triển thuận chiều trong việc đầu tư chứng khoán.

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng thì những biến động của các chỉ tiêu kinh tế khác như: lạm phát, chính sách quản lý lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT và TGDĐ luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Rủi ro hoạt động

Rủi ro trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV (giá trị tài sản ròng) của các quỹ đang quản lý dẫn tới việc Công ty quản lý quỹ phải đền bù cho nhà đầu tư, gây tổn hại đến tài chính của Công ty. Công ty sẽ giảm thiểu rủi ro này bằng cách theo dõi và kịp thời điều chỉnh khi nhận được thông báo và yêu cầu từ Ngân hàng lưu ký/ giám sát hoặc ngược lại.

- Rủi ro pháp lý

Dịch vụ tài chính là ngành được kiểm soát rất chặt chẽ và ngày càng bị điều tiết nhiều hơn. Sự theo dõi gắt gao này có thể dẫn đến rủi ro gia tăng các nghĩa vụ của Công ty, các chi phí về pháp

lý, tuân thủ và các chi phí khác có liên quan. Việc tăng cường kiểm tra giám sát cũng có thể làm trầm trọng thêm gánh nặng hành chính đối với Công ty.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, nhân viên Kiểm soát tuân thủ luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới đảm bảo các bộ phận thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Rủi ro khác

Các rủi ro khác (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, v.v...) tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất lớn khác. HĐQT và TGD Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp diễn tập, truyền thông nội bộ định kỳ để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2023

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	23.125.142.795
2	Vốn chủ sở hữu	20.744.006.747
3	Doanh thu thuần	6.118.140.635
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.849.696.886)
5	Lợi nhuận trước thuế	(7.919.696.923)
6	Lợi nhuận sau thuế	(7.919.696.923)

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2023 lãi/lỗ so với kế hoạch, tương đương 7.919.418.429đ. Tổng doanh thu năm 2023 thấp hơn 8,57% so với kế hoạch năm, tương đương 6.118.140.635đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư.

2.2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Tổng Giám Đốc : Lu, Hui-Hung
Giới tính : Nam
Quốc tịch : Đài Loan
Tổng số cổ phiếu nắm giữ

- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Kuo, Ping - Min
Giới tính : Nữ
Quốc tịch : Đài Loan

- Tổng số cổ phiếu nắm giữ
- Sở hữu cá nhân: Không có
 - Sở hữu đại diện: Không có

Phó Tổng Giám Đốc : Shiu, Jingshia

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Đài Loan

- Tổng số cổ phiếu nắm giữ
- Sở hữu cá nhân: Không có
 - Sở hữu đại diện: Không có

- Những thay đổi trong Ban điều hành
Trong năm 2023, Công ty không có thay đổi trong Ban điều hành.
- Số lượng nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
 - Thời điểm 31/12/2023, tổng số lao động của Công ty là 24 người.
 - Trong điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc của người lao động là 40 giờ/ tuần, thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ.
 - Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
 - Nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Nếu yêu cầu công việc phải đi công tác xa, nhân viên sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.
 - Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp và cạnh tranh với đặc trưng ngành nghề hoạt động của Công ty, bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.
 - Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm y tế, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho nhân viên theo quy định của pháp luật.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn
Trong năm 2023, Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng theo các hình thức như sau:
 - Có kỳ hạn dưới 03 tháng có tổng giá trị là 0 tỷ đồng;
 - Có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng có tổng giá trị là 12 tỷ đồng;
 - Có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tổng giá trị là 0 tỷ đồng
 - Không kỳ hạn có tổng giá trị là 0 tỷ đồng.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	28.995.241.549	23.125.142.795	-20,25%
2	Doanh thu thuần	6.691.368.878	6.118.140.635	-8,57%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.582.598.586)	(7.849.418.392)	-119,10%
4	Lợi nhuận khác	(50.000.000)	(70.000.000)	-40,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	(3.632.598.586)	(7.919.418.429)	-118,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	(3.632.598.586)	(7.919.418.429)	-118,02%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(931)	(2.031)	-118,15%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	83	7
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	83	7
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	1,14%	10,30%
2.2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,16%	11,48%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
3.2	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0,22	0,23
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-54,29%	-129,44%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	-12,67%	-38,18%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-12,53%	-34,25%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	-53,54%	-128,30%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn)/ cổ phần
- Tổng số chứng khoán đang lưu hành : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước:	2.145.000	55,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	2.145.000	55,00
2	Cổ đông nước ngoài:	1.755.000	45,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	1.755.000	45,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần:	3.900.000	100,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	2.145.000	55,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	1.755.000	45,00
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn cổ phần:	0	0,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Tăng vốn đợt 01: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 28.000.000.000 đồng lên 39.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 09/2013
 - Tổng giá trị phát hành: 11.000.000.000 đồng
 - Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thông báo số 6069/UBCK-QLQ ngày 30/09/2013.
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, nên không có bất cứ tác động nào liên quan đến môi trường và xã hội, cụ thể như sau:

- 1) Tác động lên môi trường
 - Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.
- 2) Quản lý nguồn nguyên vật liệu
 - Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không có.
 - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.
- 3) Tiêu thụ năng lượng
 - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: không có.
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.
- 4) Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
 - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không có.
 - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.
- 5) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- 6) Chính sách liên quan đến người lao động
 - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - ✓ Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2023: 24 người
 - ✓ Mức lương trung bình đối với người lao động: 18.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - ✓ Nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, khang trang, hiện đại và tiện lợi nhất.

- ✓ Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời yêu cầu nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của tòa nhà và của công ty.
- ✓ Chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện theo đúng quy định của công ty và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - ✓ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 1 - 2 ngày mỗi quý.
 - ✓ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: hỗ trợ chi phí và điều kiện về thời gian để nhân viên được đào tạo, thi sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề trong ngành chứng khoán, quản lý quỹ.
- 7) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không có.
- 8) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2023 – đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng năm 2023 so với năm 2022:
 - ✓ Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ giảm 8,57% so với năm 2022;
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế giảm 118,02% so với năm 2022;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế giảm 118,02% so với năm 2022;
 - ✓ Tổng tài sản Công ty giảm 20,25% so với năm 2022.
 - ✓ Năm 2023 lãi/lỗ so với kế hoạch, tương đương 7.919.418.429đ. Tổng doanh thu năm 2023 thấp hơn 8,57% so với kế hoạch năm, tương đương 6.118.140.635đ. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi, dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ, dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư.
 Dự kiến trong năm tới hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định và phát triển hơn, kết quả thu được sẽ khả quan hơn.
- Những tiến bộ Công ty đã đạt được
 - Tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh trong năm 2023
 - Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023;
 - Cải tiến quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

3.2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản
 - ✓ Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2023 là 23.125.142.795 giảm 20,25% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 76,94% và tài sản dài hạn chiếm 22,32%.
 - ✓ Tài sản ngắn hạn giảm 9.653.540.209, còn 17.962.693.806đ cuối năm 2023, tương đương mức giảm 34,96% so với năm 2022.
 - ✓ Tài sản dài hạn tăng 3.783.441.455đ, đạt 5.162.448.989đ cuối năm 2023, tương đương mức tăng 274,33% so với năm 2022.
 - ✓ Trong năm 2023, tình hình tài sản của Công ty giảm 20,25% so với năm 2022.

- Tình hình nợ phải trả
 - ✓ Nợ phải trả của Công ty tính đến 31/12/2023 là 2.381.136.048 tăng 618,13% so với cùng kỳ năm 2022.
 - ✓ Năm 2023, nợ ngắn hạn ghi nhận mức 2.381.136.048 đồng, chiếm 100% nợ phải trả, tăng 618,13% so với cùng kỳ năm trước.
 - ✓ Công ty không có nợ dài hạn phải trả.
 - ✓ Trong năm 2023, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán. Cũng trong năm này, Công ty không có bất kỳ khoản vay trong và ngoài nước vì vậy sẽ không chịu ảnh hưởng đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2023, từng bộ phận dần được hoàn thiện và đi vào hoạt động khá ổn định, hiệu quả. Đồng thời, TGD gia tăng hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên và các bộ phận trong Công ty. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của TGD.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong môi trường kinh doanh mà công nghệ số đang đóng vai trò quan trọng trong các dịch vụ tài chính, PHFM đang cố gắng nhanh chóng nâng tầm thương hiệu của mình bằng cách tung ra các chiến lược quảng bá trên các phương tiện truyền thông. Dựa trên những thành tựu mà PHFM đã đạt được trong năm 2023, PHFM sẽ tập trung nguồn lực để thành lập và vận hành quỹ mở, mở rộng quy mô tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, tăng cường năng lực tài chính bằng cách đa dạng hóa nguồn thu và tiếp tục biên soạn, hoàn thiện các quy chế và quy trình nội bộ để đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến của Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

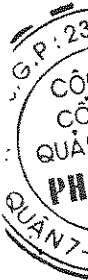
3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.): PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán nên không có các ảnh hưởng đến các chỉ tiêu môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật lao động về quyền lợi của người lao động, luôn đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội và nhân viên luôn được tạo các điều kiện tốt nhất trong quá trình làm việc.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn tuân thủ mọi quy định của pháp luật đối với cộng đồng, xã hội, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023, Công ty đã có kết quả hoạt động kinh doanh như sau, doanh thu thuần đạt 6.118.140.635đ, giảm 8,57% so với năm 2022. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh



thu thuần với kết quả lần lượt là -38,18% và -128,30%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.

Trong năm nay, dù lợi nhuận sau thuế lỗ 7.919.418.429đ, giảm 118,02% so với năm 2022. Chi phí tăng do các khoản chi phí cho nhân viên, bao gồm tiền lương và phụ cấp, tăng mạnh. Chi tiêu cho thiết bị CNTT và dịch vụ thuê ngoài cũng tăng đồng thời với việc mở rộng kinh doanh. Cơ cấu doanh thu duy trì không thay đổi. Dịch vụ tư vấn đầu tư cho đối tác nội bộ vẫn đóng góp nhiều nhất nhưng giảm về tổng do điều chỉnh nội dung dịch vụ. Dịch vụ quỹ và Quản lý danh mục đầu tư đồng thời chứng kiến sự tăng trưởng khi doanh nghiệp mới và khách hàng mới được giới thiệu. Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, đồng thời, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người lao động.

4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm vừa rồi.

HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dần đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Song hành với việc phát triển doanh thu, thì việc tuân thủ các quy định của pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu, để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

- ✓ Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
- ✓ Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- ✓ Tăng cường giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động điều hành theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- ✓ Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;

- ✓ Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

V. Quản trị công ty

5.1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	877.500	0	22,50%
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	0	0	0
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	0	0	0
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	0	0	0

- Các chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của Công ty nắm giữ tại các công ty khác như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT - Phu Hung Far East Holding Corporation; - Thành viên HĐQT - CX Technology Cayman; - Người đại diện - Freshfields Capital Corporation; - Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Phú Hưng.
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT - CTCP Bảo hiểm Phú Hưng.
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái.
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Phú Vinh.

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	05/04/2023	01/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022 vào 28/04/2023. - Thông qua Tài liệu của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022.

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
2	20/06/2023	02/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý I/2023 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.
3	22/09/2023	03/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh Quý II/2023 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.
4	09/10/2023	04/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường lần 1 năm 2023. - Thông qua các nội dung trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường lần 1 năm 2023.
5	07/11/2023	05/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường lần 1 năm 2023 số 02/2023/NQHĐCĐ ngày 31/10/2023. - Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. - Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 07/11/2023.
6	30/11/2023	06/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/10/2023 ghi nhận vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu và phương án khắc phục theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường ngày 31/10/2023 thông qua.
7	13/12/2023	07/2023/NQ-HĐQT	- Thông qua việc triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu theo hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2023/NQHĐCĐ ngày 31/10/2023 của Đại Hội Đồng Cổ Đông. - Thông qua Chính sách Quản trị rủi ro sửa đổi và danh sách nhân sự được phân công công tác quản trị rủi ro.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện

thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;

- ✓ Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động kinh doanh và tài chính;
- ✓ HĐQT đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong công tác chỉ đạo nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

5.2. Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Liew Sep Siang	Trưởng BKS	0	0	0,00%
2	Lii, San-Rong	Thành viên BKS	0	0	0,00%
3	Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	0	0	0,00%

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Phiên họp ngày	Số biên bản họp	Nội dung
1	04/04/2023	01/2023/BB-BKS	Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng cho năm tài chính 2022.

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- ✓ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, điều hành nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ✓ Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;
- ✓ Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích chi tiết như sau:

ST T	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2023 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2023
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
2	Ông Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
3	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
4	Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
2. BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Liew Sep Siang	Trưởng BKS	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
2	Ông Lii, San-Rong	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
3	Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc	845.6	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
2	Bà Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc	584.6	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023
3	Bà Shiu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc	191.4	-	-	01/01/2023 - 31/12/2023

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: trong năm 2023, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, các nhà đầu tư và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

VI. Báo cáo tài chính

6.1. Ý kiến Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023

(Phụ lục đính kèm từ trang 18 đến trang 50)

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu Ban Thư Ký

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



LƯU, HUI - HUNG

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023
(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng)



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

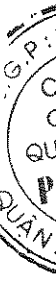
*Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Báo cáo biến động bổ sung vốn chủ sở hữu	11 - 11
- Tuyệt minh Báo cáo tài chính	13 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
Vân Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính
Liên năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bảo tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 240/ĐCK-CP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 980/ĐCK-ĐCK ngày 07 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.000.000.000 VNĐ.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Vân Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (1.412.598.586) VNĐ; Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (7.910.698.923) VNĐ.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (10.336.296.330) VNĐ; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (13.255.993.253) VNĐ.

Các sự kiện sau ngày làm sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị:

Ông: Albert, Kwang-Chin Tung	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông: Ho, Feng Tiao	Thành viên
Ông: Wu, Jun-Jeng	Thành viên
Bà: Huang, Wan-Hui	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông: Liew, Sep-Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông: Lai, San-Kang	Thành viên
Ông: Lu, Nai-Wei	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông: Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc
Bà: Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Suo, Jing-shia	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nhuận (NAASCS)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty tuân thủ đầy đủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đo lường các định giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BAO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Các chiến lược kế toán được áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trong vào đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan, và
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hợp đồng kinh doanh bên ngoài.

Hoa Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được học lập để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại các thời điểm nêu và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm trong việc báo cáo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện sai lệch và gian lận và các vi phạm khác.

Hoa Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty cho năm 2023, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 135/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 23/11/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt của Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng, tại ngày lập báo cáo này phê duyệt giải trình Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 ngày 12 năm 2023.

Được, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chữ ký



Abhi, Trương-Chiến Tình

Tại Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2024

Thay mặt Ban Giám Đốc
Tổng Giám đốc

Lu, Hai-Thuong



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

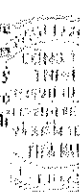
- Kiểm bởi:**
- Cố định Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
 - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
 - Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng



Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 31 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 03 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn



Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liên Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và đánh giá tính trung thực của Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá sai sót có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các tài khoản này, kiểm toán viên cần xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và cách hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thông tin Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 03 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề bản quyền

Như đã trình bày tại Bản cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, đến ngày 11 tháng 12 năm 2023, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng còn lại 30.744.006.747 đồng thấp hơn vốn điều lệ với biến đổi với công ty quản lý quỹ (là 35.000.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 3, Điều 175, Nghị định 155/2018/NĐ-CP. Chúng tôi muốn làm ý với người đọc báo cáo về vấn đề này và vấn đề nhân minh này không ảnh hưởng tới ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi về Bản cáo tài chính nêu trên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16/12/2023, năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phố Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



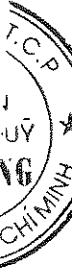
Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKINH KTV: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyễn Thùy Mai

Số giấy CNDKINH KTV: 0848-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	31/12/2020
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.755.333.522	906.119.361
1. Tiền	111		2.755.333.522	906.119.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1.865.650.247	1.704.586.539
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131		-	-
2. Tài trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	787.686.885	194.900.568
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4.1	1.578.563.362	1.509.603.011
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.244.740.037	1.005.510.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	1.325.534.721	939.339.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.10.2	16.178.316	16.178.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.162.448.959	1.179.007.534
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		719.199.391	395.000.572
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8.2	729.199.391	395.000.572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
II. Tài sản cố định	220		151.773.081	194.128.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	151.773.081	194.128.265
- Nguyên giá	222		211.778.499	211.778.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(60.005.419)	(17.648.235)
2. Tài sản cố định vô hình	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		397.464.202	397.464.202
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.202)	(397.464.202)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.281.476.517	889.878.592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	4.281.476.517	889.878.592
2. Tài sản thuê mua ngắn hạn	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.125.141.795	28.995.241.549
NGUỒN VỐN				
A. NGUỒN TƯ VẤN (300 = 310 + 320)	300		2.381.136.048	331.537.879
I. Nợ ngắn hạn	310		2.381.136.048	331.537.879
1. Nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.8	1.234.774.245	15.881.910
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.1	319.915.488	131.673.969
5. Phải trả người lao động	315		668.325.339	-
6. Chi phí phải trả	316	V.9	161.087.589	183.982.000
7. Phải trả nợ kỳ hạn ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		32.287	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Nợ dài hạn	330		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 Phòng số 8, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thám, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Mã số B01-CTC
 Đơn vị báo cáo tài chính: 1119001/2018/BTC (pháp
 09/02/2021 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		20.744.096.747	28.663.703.679
1. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	20.744.096.747	28.663.703.679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.11	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Tổng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chính sách đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chính sách tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.11	(18.255.993.253)	(10.336.296.320)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 500 + 400)	440		21.125.142.795	28.695.241.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
			A	B
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Kỳ kho đổi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	V.12	61,24	61,24
6. Chứng khoán hra kỳ của công ty quản lý	006		-	-
7. Chứng khoán chưa mua kỳ của công ty quản lý quỹ	007		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	008	V.13	56.450.742	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	008		55.952.744	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	008		492.998	-
9. Doanh nợ đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	009	V.14	102.592.571.217	114.212.860.260
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	009		99.622.393.429	114.212.860.260
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	009		2.963.267.808	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	010	V.15	4.287.693.977	2.887.567.891
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	011	V.16	26.805.697	29.261.306

Người lập biểu và Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập biểu cho tháng 01 năm 2024
 CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 PHÚ HƯNG
 1119001/2018/BTC
 Lê, Hai-Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

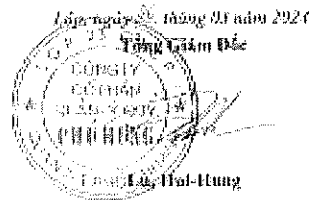
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01		6.118.140.635	6.691.368.878
2. Chiế giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10	V.17	6.118.140.635	6.691.368.878
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, phí vốn bằng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		6.118.140.635	6.691.368.878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	1.663.961.937	1.451.776.481
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.19	(5.631.799.458)	(11.325.743.643)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)	30		(7.849.696.886)	(3.582.598.586)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	V.20	70.000.037	50.000.000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(70.000.037)	(50.000.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.838)	(931)

Người lập báo cáo Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.026.047.316	6.897.002.978
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.517.091.600)	(550.767.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.906.461.362)	(6.529.420.276)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		984.751.793	175.223.413
7. Tiền chi khác cho mua sắm tài sản	07		(10.546.908.096)	(6.180.398.003)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(77.949.662.849)</i>	<i>(6.783.269.322)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(211.776.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua vào công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.000.000.000)	(48.500.000.000)
4. Tiền thu từ việc bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.000.000.000	54.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.798.835.673	1.051.781.419
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>13.798.835.673</i>	<i>6.349.005.619</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
 Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thám, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Mẫu B01- CTQ
 (Ban hành theo Quyết định 125/2010/QĐ-BTC
 ngày 01/09/2010) của Bộ Tài Chính)

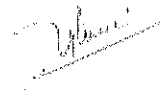
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.849.172.824	151.735.697
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		906.119.361	754.365.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.337	18.347
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		2.795.333.522	906.119.361

Người lập báo cáo và Kế toán trưởng:



Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



23 - C
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 QUẢN LÝ
 QUỸ
 PHÚ HƯNG
 2 - T. PH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		01/01/2022	01/01/2023	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2023	31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chính sách chênh giá tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.703.697.744)	(10.336.296.330)	(3.632.598.586)	-	(7.919.696.923)	(10.136.296.330)	(28.253.993.251)	(28.253.993.251)
Cộng (*)		32.296.302.256	28.663.703.670	-	(3.632.598.586)	-	(7.919.696.923)	28.663.703.670	28.744.006.747

Ghi chú:

(*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, số vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng của lại 28.744.006.747 VND thấp hơn vốn điều lệ do chênh lệch với công ty quản lý quỹ là 25.000.000.000 VND) theo quy định tại khoản 3, Điều 173, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Người lập báo cáo và kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Đã kiểm tra, tháng 03 năm 2024
 Tổng Giám đốc

 Lưu, Huỳnh Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐƠN VỊ BẢO CÁO

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 24/00003-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh nội dung số 98/GPEC-AMCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.000.000.000 VND.

Địa chỉ chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực chứng khoán.

3. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính không có.

5. Tổng số nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 29 nhân viên trong đó có 13 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty có 25 nhân viên trong đó có 13 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Ký kế toán

Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các chỉnh sửa tương ứng sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về chế độ kế toán Chuẩn mực kế toán và Chuẩn mực kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đề ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin và bằng chứng thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nội kỳ bằng.

IV. CÁC CHIẾNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có rủi ro về trung chuyển đối thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cáo năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cách hạch lý giá theo lệ phát sinh trong kỳ của các khoản nợ đầu tư có gốc ngoại tệ tại thời điểm sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cách hạch lý giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ đang hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia có vào trên chính lịch lý giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và trích hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính 03 năm
- Máy móc thiết bị 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khấu đầu tư vào công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (nguồn lợi nhuận) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khấu đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp đầu tư không được điều chỉnh theo thay đổi vốn phần sở hữu của công ty trong tài sản thanh của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung của các loại hình kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh dựa trên hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, cũng sẽ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư có hình thức khoản nợ được đầu tư vào, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc hạn kỳ không quá 1 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung hạn ngắn";

- Có thời hạn thu hồi vốn không quá 1 (một) năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp xác định giá trị thương đối với số phần nắm giữ và công ty giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (không bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán UPCOM):

- Chỉ dùng của tại ngày giao dịch gần nhất ngày thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom:

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu chưa giao dịch, chưa đăng ký giao dịch:

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán không phải là Công ty có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá từ các báo giá;
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất;
- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá từ các báo cáo, giá của kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí đi dãi vốn phòng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây độc hại cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đầu báo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thường mội và phải trả khác
Các khoản phải trả ngoài bản, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán bằng quá 1 (một) năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 (một) năm được phân loại là nợ dài hạn.
Yếu tố chi nhập hoặc lợi phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch (nếu hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn kinh doanh của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, hiến sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, hiến này và không bổ sung vào kinh doanh của bất kỳ hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chiết khấu tỷ giá hối đoái phát sinh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh dự áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trước đây của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc để hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định một cách chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc để hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận và việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo công số phát sinh trong kỳ, không bù trừ vào doanh thu hoạt động tài chính

Đã đọc và
thỏa mãn
các yêu cầu
của pháp
định.
Ngày... tháng... năm 2022
Người đại diện
thực hiện
chức vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Các chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDH trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chính sách tạm thời được khấu trừ, và chính sách tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDH.

12. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phổ biến, chủ yếu dựa trên thuyết minh trong Bản cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý được qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu - ghi nhận ban đầu và trình bày

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, chủ yếu dựa trên thuyết minh trong Bản cáo tài chính, được phân loại một cách phổ biến thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tài sản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

c. Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân bổ theo giá trị của công cụ tài chính có thể được chuyển đổi sang một giá trị hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp có sẵn để định giá sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản này trừ đi những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty định giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cơ bản trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty xác định dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

d. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị net sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuận, hoặc thu được các tài sản và thanh toán sự phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2023	31/12/2022
Tiền mặt	"	"
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.755.333.511	906.119.361
Tiền gửi ngân hàng VND	2.753.838.863	904.686.039
Tiền gửi ngân hàng BIDV	165.860.250	182.952.540
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	506.305.780	699.912.150
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	2.041.297.524	13.423.367
Tiền gửi ngân hàng VIB	92.595.509	28.375.482
Tiền gửi ngân hàng HSB	1.474.659	1.433.322
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.474.659	1.433.322
Tổng cộng	2.755.333.511	906.119.361

Ghi chú:

(*) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên bằng các đối kế toán phù hợp với các số liệu số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	12.000.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BHHV	-	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn của NH Nam Á (*)	12.000.000.000	21.000.000.000
Tổng cộng	12.000.000.000	24.000.000.000

Ghi chú:

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 94, 95, 96, 97-MSTY/2023/HT, NGH/ ngày 27 tháng 02 năm 2023, có số dư 12.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất là 3,5%/năm, trả lãi cuối kỳ.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2023	31/12/2022
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	265.282.571	170.122.847
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	21.665.206	24.879.739
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	141.108	-
Tổng cộng	287.088.885	194.993.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngân hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Lãi gửi gởi	1.088.547.940	1.223.463.013
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 (1)	92.000.000	92.000.000
Đặt cọc thuê căn hộ Crescent Residence 1 (2)	90.000.000	90.000.000
Đặt cọc thuê căn hộ Serein Valley (1 ở BĐS)	-	101.640.000
Tiền tạm ứng chi nhân viên	-	2.500.000
Đặt cọc thuê văn phòng (3.1)	171.700.572	-
Phí thu hồi thuế nhà được miễn giảm	116.314.850	-
Tổng cộng	1.578.563.362	1.509.603.013

4.2. Phải trả

	31/12/2023	31/12/2022
Đặt cọc thuê văn phòng (3.2)	608.199.391	171.700.572
Đặt cọc trả thuế xe (4)	108.000.000	108.000.000
Đặt cọc vũ hình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	1.500.000	4.800.000
Đặt cọc thuê taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	728.199.391	295.000.572

Ghi chú:

(1) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 ngày 16 tháng 08 năm 2023, thời hạn thuê 12 tháng từ ngày 01 tháng 09 năm 2023 đến ngày 31 tháng 08 năm 2024, giá thuê 120.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 92.000.000 đồng.

(2) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 1 ngày 25 tháng 02 năm 2022, thời hạn 12 tháng từ ngày 23 tháng 02 năm 2022 đến ngày 23 tháng 02 năm 2023, số tiền thuê 135.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 90.000.000 đồng. Hợp lệ số 01 ngày 07 tháng 01 năm 2023 gia hạn thời hạn hợp đồng đến hết ngày 24 tháng 02 năm 2024.

(3.1) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 091120PMH_PMTT_21P_U4 có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2026. Đặt cọc trước 171.700.572 đồng, hợp đồng đã kết thúc từ năm 2024.

(3.2) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 110520PMH_PMTT_18P_U1-20P có hiệu lực từ ngày 31 tháng 05 năm 2021, thời hạn 5 năm từ ngày 15 tháng 09 năm 2021 đến ngày 15 tháng 09 năm 2026. Đặt cọc trước 608.199.391 đồng.

(4) Hợp đồng thuê xe ô tô số 010010705/HTQL-QPH/2022 thời hạn thuê 48 tháng từ ngày 23 tháng 12 năm 2022 đến ngày 23 tháng 12 năm 2026, số tiền thuê 27.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 108.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HÙNG
 Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng
 Văn Thám, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Mẫu B09- CTQ
 Báo cáo tài chính số 12/2019/CTQ-BC
 ngày 29/09/2011 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ BỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Đạo gắm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Đạo gắm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
<i>Đạo gắm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Đạo gắm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	60.003.319	60.003.319
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	194.128.365	194.128.365
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	151.773.081	151.773.081

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Hạ quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Đau gồm:					
- Mua hàng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Đau gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khoản hao trong năm	-	-	-	-	-
Đau gồm:					
- Khoản hao tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Đau gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cáo năm kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Nguồn kinh

	31/12/2021	31/12/2020
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	159.593.311	102.470.042
- Chi phí học phí	264.232.532	259.982.238
- Chi phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	441.276.000	383.856.000
- Bảo hiểm sức khỏe	56.146.878	64.211.480
- Chi phí thuê văn phòng	235.500.000	178.820.000
- Chi phí phân tích và truy cập dữ liệu	168.763.000	-
Tổng cộng	1.325.531.721	989.339.760
7.2 Đãi loại		
- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng	3.036.252.393	644.081.596
- Chi phí đi dãi thiết bị công nghệ thông tin	117.466.106	245.796.999
- Chi phí phân miễn	1.127.393.818	-
Tổng cộng	4.281.112.317	889.878.595

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BẠN

	31/12/2021	31/12/2020
Công ty TNHH TM XD Lưu Giang	1.031.902.378	-
Blomberg Singapore Pte. Ltd	152.326.657	-
Đội hàng khác	47.545.310	15.881.919
Tổng cộng	1.231.774.345	15.881.919

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	31/12/2020
- Chi phí cấp quyền và dịch vụ phần mềm	116.809.095	-
- Chi phí phát trả phí kiểm toán	44.000.000	88.000.000
- Chi phí phát trả phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	-	95.982.000
- Chi phí khác	278.494	-
Tổng cộng	161.087.589	183.982.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

10.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
- Thuế thu nhập cá nhân	131.673.969	862.825.433	691.019.237	102.460.143
- Thuế nhà thầu	-	39.258.013	32.801.670	16.456.743
- Thuế khác	-	1.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	131.673.969	905.083.446	716.840.927	319.916.886

10.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.178.316	-	-	16.178.316
Tổng cộng	16.178.316	-	-	16.178.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

11. VỐN CỔ PHẦN

	Số cổ phiếu	31/12/2023	31/12/2022
Vốn cổ phần được duyệt	1.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	1.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông (*)	1.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000

Ghi chú:

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 19.000 đồng/cổ phiếu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Vốn góp tỷ ngày 31/12/2023	% sở hữu
Công ty TNHH Phú ulien Thế Vũ	2.145.000	21.450.000.000	55,00%
Ông Albert, Kweng-Chin Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Ông Kweng, Hui-ung Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%

12. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	31/12/2023	31/12/2022
- USD	61,24	61,24
Tổng cộng	61,24	61,24

13. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi của nhà đầu tư ứng dụng trong nước	55.057.744	61.990.390
- Công ty Cổ phần Fci Yuach Việt Nam (1)	-	30.171.971
- Công ty TNHH Môi Trường Viên Thương Môi Dịch Vụ Cuộc Sống Mới (2)	55.057.744	41.827.419
Tiền gửi của nhà đầu tư ứng dụng nước ngoài	1.192.998	-
- Ông, Chiau, Yozeng-Jang (3)	1.192.998	-
Tổng cộng	56.250.742	61.990.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

Chi tiết khoản tiền gửi của từng nhà đầu tư ủy thác:

(1) Công ty Cổ phần Fed Việt Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu năm	20.372.971	-
Tăng trong năm	15.484.517.626	20.070.513.176
Nhận gốc và lãi trái phiếu	15.483.852.000	-
Nhận tiền ủy thác	-	20.000.000.000
Khác	683.626	517.176
Ghiảm trong năm	15.584.910.597	20.050.144.205
Mua trái phiếu	-	14.336.900.000
Trả trước hạn vốn ủy thác	-	5.678.100.000
Thanh lý hợp đồng ủy thác	15.491.219.372	-
Khác	13.691.225	35.144.205
Số cuối năm	-	20.372.971

(2) Công ty TNHH Một Thành Viên
 Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu năm	41.527.419	-
Tăng trong năm	5.725.942.705	160.002.474.543
Nhận lãi trái phiếu	5.774.420.000	-
Nhận tiền ủy thác	-	100.000.000.000
Khác	1.522.705	2.474.543
Ghiảm trong năm	5.762.412.380	99.960.947.124
Mua trái phiếu	5.460.000.000	-
Mua chứng chỉ quỹ	-	64.570.360.200
Khác	302.412.380	15.600.000.000
Số cuối năm	55.057.744	41.527.419

(3) Ông. Chhou, Young-Jang

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	3.100.076.688	-
Nhận tiền ủy thác	3.100.000.000	-
Khác	76.688	-
Ghiảm trong năm	1.098.683.699	-
Mua trái phiếu	3.020.750.000	-
Mua chứng chỉ tiền gửi	72.000.000	-
Khác	5.093.690	-
Số cuối năm	1.392.998	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

15. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

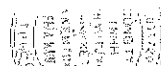
	31/12/2023	31/12/2022
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	99.627.303.429	114.212.860.209
Chứng chỉ quỹ 994PG00601 PHSFY Chứng chỉ quỹ Công ty CP QĐQ Phú Hưng	17.070.819.009	33.093.600.009
Trái phiếu niên hạn VND12012 (Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán VNDirect)	-	14.336.900.009
Trái phiếu niên hạn VND12013 (Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán VNDirect)	32.617.024.936	34.070.560.209
Trái phiếu niên hạn VND12013 (Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Masan)	29.739.462.493	20.799.660.009
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	2.965.267.808	-
Trái phiếu niên hạn VND12014 (Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Masan)	2.965.267.808	-
Tổng cộng	102.592.571.237	114.212.860.209

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2023	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	4.287.692.977	2.887.567.891
Tổng cộng	4.287.692.977	2.887.567.891

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2023	31/12/2022
Phải trả phí quản lý	22.715.515	24.870.719
Phải trả phí lưu ký	4.193.362	4.292.537
Tổng cộng	16.908.697	29.164.306



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị (đồng): VND

17. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đánh giá thuận thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng)

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần bán goods		
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	500.613.177	438.373.250
- Doanh thu hoạt động tài sản	3.761.516.129	3.928.064.316
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ mở-PIV5P (**)	1.584.197.896	168.543.268
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	265.039.737	113.382.506
- Doanh thu khác	6.764.496	-
Tổng cộng	6.118.140.635	6.691.368.879

Chi phí:

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vọng Việt Nam (PTDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tổng Thống (PTDTF) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí tư vấn hoạt động từ PTDF và PTDTF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí tư vấn hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

(**) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam, quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý bằng 1,3% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Số tiền dịch vụ nhận được bằng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ dịch vụ thực hiện trong tháng.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.663.920.600	1.451.758.138
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.337	18.347
Tổng cộng	1.663.961.937	1.451.776.484

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	10.952.192.797	9.759.747.431
- Chi phí đồ dùng văn phòng	393.294.581	181.787.297
- Chi phí khấu hao TSCĐ	42.355.384	-
- Thuế, phí, lệ phí	1.000.000	1.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.316.582	1.506.801.153
- Chi phí bằng tiền khác	352.620.614	273.409.064
Tổng cộng	15.631.799.458	11.726.743.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
- Ứng xử ra bên ngoài	50.000.000	50.000.000
- Các khoản phạt	20.000.000	-
- Chi phí khác	37	-
Tổng cộng	70.000.037	50.000.000

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	-

Tổng thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	69.977.010	59.466.380
+ Các khoản điều chỉnh tăng	79.018.347	59.466.380
+ Các khoản điều chỉnh giảm	41.337	18.347
- Tổng thu nhập chịu thuế	(7.849.719.913)	(3.573.132.206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phát nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phát nộp theo thuế suất danh thường (20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.849.696.923)	(3.632.398.586)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cáo năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản হিসেব do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được số được

	31/12/2021	31/12/2022	BE BHN
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:			
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-	
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-	
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong năm báo cáo			
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-	
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền	-	-	
- Số tiền và các khoản nợ đang thanh toán có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-	
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm	-	-	
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được số được do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp nắm giữ thực hiện	-	-	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đang trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
- Giá trị cổ tức và cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ trước thuế của nguồn vốn chủ sở hữu
 - Thuế nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản chưa biết và những thông tin tài chính khác:
 Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác chi phí công bố.
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023:
 Không có sự kiện tương tự sau ngày kết thúc niên độ kế toán.
3. Tính bất khả xâm, thanh thu, kết quả kinh doanh theo hệ phần (bao gồm việc kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Đầu tư hệ phần":
 Không phát sinh báo cáo hệ phần theo CMMT số 28.
4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trung báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
 Không có.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:
 Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự ngắt quãng về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định tăng hoặc giảm phạm vi hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc của cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 VNĐ/cổ phiếu	
	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	-	-

7. Các dự kiến về các liên hệ quan
- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Đến liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	Góp vốn	-	21.450.000.000
Ông Albert, Kwang-Chan Tinh	Rút vốn	-	6.825.000.000
Ông Kwang, Hing-Tung	Rút vốn	-	6.825.000.000
Ông Lu, Vai-Hung	Lương và thưởng	932.826.624	845.600.000
Bà Kuo, Ping-Min	Lương và thưởng	388.591.067	584.634.783
Bà Sơn, Jingghia	Lương và thưởng	640.911.333	191.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHIỆM VỤ THƯỜNG TIN KHÁC (tiếp theo)

B. Quản lý rủi ro của công ty

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ngoại vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập bộ thống kê kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý chi nhánh rủi ro trên như sau:

B.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và chi trả giá. Công ty tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính...

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (kể cả doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính của Công ty là bằng Đồng Việt Nam.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn đảm bảo trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì chi trả do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá thị trường là chi trả chi phí của công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của tài sản có phiếu và giá trị của các chứng khoán đầu tư. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

B.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty chỉ dựa ra tín dụng từ các loại công cụ kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

a. Đối với khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhập viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đảm bảo thu hồi.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời hạn đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về hàng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.231.774.345	-	-	1.231.774.345
Chi phí phải trả	161.087.589	-	-	161.087.589
Phải trả người lao động	668.325.339	-	-	668.325.339
Các khoản phải trả khác	32.287	-	-	32.287
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	15.881.910	-	-	15.881.910
Chi phí phải trả	183.982.000	-	-	183.982.000
Phải trả người lao động	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.755.333.522	906.119.361	2.755.333.522	906.119.361
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	287.086.885	194.993.566	287.086.885	194.993.566
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.307.762.751	1.804.603.585	2.307.762.751	1.804.603.585



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính


	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
			Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.231.774.345	15.881.910	1.231.774.345	15.881.910
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	668.225.339	-	668.225.339	-
Chi phí phải trả	161.087.559	183.982.000	161.087.559	183.982.000
Các khoản phải trả khác	12.287	-	12.287	-

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu hoạt động nghiệp vụ, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị số sách (đã trừ dự phòng) của các khoản này do có kỳ hạn ngắn.

10. Thông tin số sách:

Thông tin số sách được trình bày từ số liệu đầu tiên trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phú Hưng (AA&CS).

Người lập báo cáo và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Ngày 15 tháng 03 năm 2024
 Ông Nguyễn Văn Tuấn Giám Đốc

 Ông Nguyễn Văn Tuấn Giám Đốc